

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ “Kiểm kê nguồn phát thải khí thải công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, đánh giá ô nhiễm bụi (PM10) trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022);

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 18/3/2013 của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 985a/QĐ-TTg ngày 01/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý chất lượng không khí đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;

Căn cứ Chỉ thị số 03/CTTTg ngày 18/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí;

Căn cứ Công văn số 3051/BTNMT-TCMT ngày 07/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn kỹ thuật xây dựng kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh.

Căn cứ Công văn số 5283/UBND-NN ngày 22/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chỉ thị số 03/CTTTg ngày 18/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Công văn số 12310/UBND-NN ngày 13/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về chủ trương thực hiện nhiệm vụ “Kiểm kê nguồn phát thải khí thải công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, đánh giá ô nhiễm bụi (PM10) trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 757/TTr-STNMT ngày 23/8/2021 về việc đề nghị phê duyệt Đề cương nhiệm vụ: Kiểm kê nguồn phát thải khí thải công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, đánh giá ô nhiễm bụi (PM10) trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”, kèm theo ý kiến tham gia của các Sở, ngành: Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 4608/SKHĐT-QH ngày 01/7/2021, Sở Nông nghiệp và PTNT tại Công văn số 2860/SNN&PTNT-PTNT ngày 02/7/2021, Sở Giao thông vận tải tại Công văn số 3092/SGTVT-

QLPT&NL ngày 02/7/2021, Sở Công Thương tại Công văn số 1810/SCT-KT&ATCN ngày 05/7/2021, Sở Xây dựng tại Công văn số 4596/SXDHT ngày 02/7/2021 và Sở Tài chính tại Công văn số 4140/STC-HCSN ngày 13/7/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề cương nhiệm vụ “Kiểm kê nguồn phát thải khí thải công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, đánh giá ô nhiễm bụi (PM10) trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”, với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên nhiệm vụ: Kiểm kê nguồn phát thải khí thải công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, đánh giá ô nhiễm bụi (PM10) trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Cơ quan thực hiện: Chi cục Bảo vệ môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Mục tiêu:

Kiểm kê các nguồn thải thuộc lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp và giao thông; đánh giá diễn biến chất lượng môi trường không khí và hiện trạng công tác quản lý trên địa bàn tỉnh, trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp ưu tiên bảo vệ môi trường không khí và xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Thanh Hóa.

4. Phạm vi thực hiện:

Trên địa bàn toàn tỉnh Thanh Hóa, bao gồm 27 huyện, thị, thành phố.

5. Nội dung và các hoạt động chủ yếu:

5.1. Đánh giá hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường không khí; đánh giá ô nhiễm bụi PM10 trong không khí trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

5.2. Điều tra thông tin liên quan đến các nguồn phát thải khí thải công nghiệp, nông nghiệp và giao thông. Kiểm kê các nguồn phát thải gồm: nguồn điểm, kiểm kê phát thải nguồn điện và kiểm kê phát thải nguồn động.

- *Kiểm kê phát thải nguồn điểm:* Điều tra khảo sát thông tin và lấy mẫu, đo đạc, phân tích chất lượng khí thải ống khói lò hơi hoặc ống khói xử lý bụi, khí thải tại 125 cơ sở sản xuất, gồm: 05 cơ sở luyện kim; 32 cơ sở sản xuất giấy, bột giấy và chế biến ván ép; 01 cơ sở lọc dầu; 01 cơ sở nhiệt điện than; 20 cơ sở xử lý, tái chế chất thải bằng lò đốt; 06 cơ sở sản xuất xi măng; 30 cơ sở chế biến thực phẩm; 30 các cơ sở may mặc, giày dép.

- *Kiểm kê phát thải nguồn điện:* Điều tra khảo sát thông tin và lấy mẫu, đo đạc, phân tích chất lượng không khí tại 100 cơ sở chăn nuôi tập trung có và 20 bãi chôn lấp rác thải tập trung; điều tra về tình hình xử lý sinh khối nông nghiệp và chất lượng không khí tại thời điểm đốt sinh khối nông nghiệp tại 530 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

- *Kiểm kê phát thải nguồn động:* Điều tra thông tin về tình hình sử dụng các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt, đường thủy, số phiếu điều tra 150 phiếu; lấy mẫu, đo đạc, phân tích chất lượng không khí tại 220 nút, điểm giao thông trên địa bàn tỉnh.

5.3. Đánh giá ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường không khí tới sức khỏe cộng đồng.

5.4. Phân tích đánh giá hiện trạng các giải pháp quản lý môi trường không khí đang thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Xác định, phân tích chi phí - hiệu quả, đề xuất các giải pháp quản lý chất lượng môi trường không khí được ưu tiên thực hiện.

5.5. Xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí; trong đó đề xuất được các nhóm giải pháp thực hiện gồm: Giải pháp quản lý; giải pháp kỹ thuật; giải pháp kinh tế; giải pháp tuyên truyền; ưu tiên cần thực hiện theo lộ trình.

6. Các sản phẩm thực hiện:

Sản phẩm được nghiệm thu và giao nộp (04 bộ) gồm:

- Bộ phiếu điều tra;
- Bộ cơ sở dữ liệu thống kê về nguồn khí thải công nghiệp, nông nghiệp và giao thông trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;
- Bộ kết quả phân tích chất lượng khí thải, không khí xung quanh các cơ sở sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và giao thông trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
- Báo cáo kết quả, đánh giá hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường không khí; hiện trạng ô nhiễm bụi (PM10) trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;
- Báo cáo đánh giá ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường không khí tới sức khỏe cộng đồng.
- Báo cáo đánh giá hiện trạng các giải pháp quản lý môi trường không khí đang thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
- Bản đồ hiện trạng nguồn khí thải trên địa bàn tỉnh, tỷ lệ 1/10.000.
- Bản đồ mô phỏng chất lượng không khí trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo các kịch bản kiểm soát phát thải khác nhau, tỷ lệ 1/10.000.
- Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa được UBND tỉnh phê duyệt.

7. Thời gian thực hiện: Năm 2021 và 2022.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Chủ tịch UBND tỉnh về các nội dung đề xuất trong đề cương được duyệt; căn cứ nội dung đề cương nhiệm vụ được phê duyệt, lập dự toán chi tiết, thẩm định, trình phê duyệt theo quy định hiện hành.

2. Giao Sở Tài chính căn cứ đề cương nhiệm vụ được phê duyệt, dự toán chi tiết do Sở Tài nguyên và Môi trường lập, tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ Kiểm kê nguồn phát thải khí thải công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, đánh giá ô nhiễm bụi

(PM10) trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; tham mưu, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh bố trí kinh phí để triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTN, Giao thông vận tải, Công Thương, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang